TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2018/DS-ST
Ngày: 11/9/2018
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **MÃ THANH TRUNG**
2. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

- Thư ký phiên tòa: Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên toà:* Ông **NGUYỄN VĂN HẢI** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 559/2017/TLST–DS ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **TRẦN VĂN T,** sinh năm 1963 (Có mặt)
Địa chỉ thường trú: thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên.
Địa chỉ tạm trú: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Anh **HỒ VĂN N,** sinh năm 1975 (Vắng mặt)
Chị **TÔ THỊ G,** sinh năm 1972 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 13/12/2017; đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 11/01/2018 và lời khai tại Toà, nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Vào ngày 20/11/2016, ông T có cho anh N, chị G vay số tiền 50.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 50.000đ/1.000.000đ/tháng, thời hạn thanh toán là một năm. Khi vay, anh N và chị G có ký tên vào giấy vay nợ. Sau đó, anh chị có đóng được bốn tháng lãi thì ngưng luôn cho đến nay. Nay ông yêu cầu anh N, chị G cùng liên đới trả cho ông một lần số tiền vốn vay 50.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá

hạn của Ngân hàng Nhà nước quy định là 0.75%/tháng từ ngày 20/4/2017 đến ngày 20/8/2018.

Tại phiên toà, bị đơn anh N, chị G vắng mặt không lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần hai.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc anh N, chị G phải chịu trách nhiệm hoàn trả lại tiền chi phí trưng cầu giám định cho ông T là 1.400.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:*** Anh Hồ Văn N, chị Tô Thị G vắng mặt không lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị G.

Về nội dung:

[2] Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại Tòa, ông T khẳng định vào ngày 20/11/2016, anh N, chị G có vay của ông số tiền 50.000.000đ và anh chị có ký tên vào giấy vay nợ, có đóng lãi được bốn tháng thì ngưng luôn cho đến nay. Đồng thời, trong suốt quá trình thụ lý vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bị đơn để đảm bảo quyền nêu ý kiến, cũng như hoà giải để các bên có điều kiện thương lượng, thoả thuận vấn đề tranh chấp nhưng bị đơn vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, bị đơn cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện bị đơn đã không phản bác đối với việc khởi kiện của nguyên đơn. Thêm vào đó, căn cứ vào kết luận giám định số 623/GĐ-PC54 (Đ3) ngày 19/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang cho rằng chữ ký của anh Hồ Văn N và chị Tô Thị G trên tài liệu cần giám định là do cùng một người ký ra. Cho nên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận và Toà án có đủ cơ sở buộc anh Hồ Văn N và chị Tô Thị G cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho ông Trần Văn T theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 288 Bộ luật dân sự.

[3] Vấn đề lãi suất: Nguyên đơn có yêu cầu tính lãi suất phát sinh từ ngày 20/4/2017 đến ngày 20/8/2018 (tương đương 16 tháng) với mức 0,75%/tháng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nhằm tạo điều kiện trả nợ cho bị đơn nên tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự, đồng thời mức lãi suất này cũng nằm trong giới hạn quy định pháp luật phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Số tiền cụ thể được tính như sau:

[4] Số tiền (50.000.000đ x 0,75%/tháng x 16 tháng) = 6.000.000đ.

[5] Như vậy, anh N và chị G phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông T số tiền vốn vay và tiền lãi phát sinh là 50.000.000đ + 6.000.000đ = 56.000.000đ.

[6] Về nghĩa vụ chịu chi phí giám định: Căn cứ vào vào kết luận giám định số 623/GĐ-PC54 (Đ3) ngày 19/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang xác định chữ ký của anh Hồ Văn N và chị Tô Thị G trên tài liệu cần giám định là do anh chị ký ra. Như vậy, Toà án có đủ cơ sở buộc anh N, chị G phải có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Văn T số tiền chi phí giám định là 1.400.000đ theo quy định tại Điều 161, Điều 162 của Bộ luật tố tụng dân sự và kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh N, chị G chậm thi hành đối với phần tiền chi phí giám định thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[7] Về án phí: Bị đơn phải cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[8] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 159, Điều 160, Điều 161, Điều 162, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Buộc bị đơn anh Hồ Văn N và chị Tô Thị G phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Trần Văn T số tiền vốn vay và tiền lãi phát sinh tổng cộng 56.000.000đ.

Về chi phí giám định: Buộc anh Hồ Văn N và chị Tô Thị G phải chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả lại tiền chi phí giám định là 1.400.000đ cho ông Trần Văn T.

Kể từ ngày ông Trần Văn T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Hồ Văn N và chị Tô Thị G chậm thi hành đối với các phần tiền trên thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí: Anh N và chị G phải liên đới chịu 2.800.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Trần Văn T số tiền 1.250.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 07981 ngày 13/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc

thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND huyện C;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM